

DENTAL DECAY STATUS AND ORAL HYGIENE PRACTICES IN 6-7 YEAR OLD STUDENTS AT VO THI SAU PRIMARY SCHOOL, HAI DUONG, 2021

Vu Dinh Tuyen*, Le Duc Thuan

Hai Duong Medical Technical University - No. 1 Vu Huu, Thanh Binh Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province, Vietnam

Received: 28/07/2025

Revised: 18/08/2025; Accepted: 04/12/2025

ABSTRACT

Objective: This study aimed to assess the status of dental caries and oral hygiene practices in grade 1 and 2 students at Vo Thi Sau Primary School, Hai Duong City in 2021.

Research methods: The study design was cross-sectional. Data were collected by maxillofacial doctors from Hai Duong Medical Technical University. A total of 313 first and second graders were invited to participate in the study for examination and interview.

Research results: The rate of tooth decay in grade 1 and 2 students at Vo Thi Sau Primary School is 78.6%, of which 99.2% are in baby teeth. Oral hygiene practices of students are not up to standard, with a high rate of snacking. To reduce the rate of tooth decay, it is necessary to increase propaganda and education on the importance of oral care, especially brushing teeth properly and regularly.

Conclusion: The rate of tooth decay in grade 1 and 2 students at Vo Thi Sau Primary School is 78.6%, of which 99.2% are in baby teeth. Oral hygiene practices of students are not up to standard, with a high rate of snacking. To reduce the rate of tooth decay, it is necessary to increase propaganda and education on the importance of oral care, especially brushing teeth properly and regularly.

Keywords: Oral hygiene, students.

*Corresponding author

Email: vutuyen@hmtu.edu.vn **Phone:** (+84) 904978766 **DOI:** 10.52163/yhc.v66i6.4013

TÌNH TRẠNG SÂU RĂNG VÀ THỰC HÀNH VỆ SINH RĂNG MIỆNG Ở HỌC SINH 6-7 TUỔI TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU, HẢI DƯƠNG, NĂM 2021

Vũ Đình Tuyên*, Lê Đức Thuận

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương - Số 1 Vũ Hựu, P. Thanh Bình, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Ngày nhận: 28/07/2025

Ngày sửa: 18/08/2025; Ngày đăng: 04/12/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu này nhằm đánh giá tình trạng sâu răng và thực hành vệ sinh răng miệng ở học sinh lớp 1 và 2 tại Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Thành phố Hải Dương năm 2021.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu thiết kế mô tả cắt ngang. Dữ liệu được thu thập bởi các bác sĩ răng hàm mặt từ Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Tổng số 313 học sinh lớp 1 và 2 đã được mời tham gia nghiên cứu để khám và phỏng vấn.

Kết quả nghiên cứu: Tỷ lệ sâu răng ở học sinh lớp 1 và 2 tại Trường Tiểu học Võ Thị Sáu là 78,6%, trong đó sâu răng sữa chiếm 99,2%. Thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh chưa đạt yêu cầu tốt, với tỷ lệ ăn vật vụn cao. Cụ thể, tỷ lệ học sinh chải răng dưới 3 lần/ngày là 85,6%; thời gian chải răng dưới 3 phút là 56,9%; chải răng sai cách là 60,1%; thay bàn chải chỉ khi hỏng là 61,7%; ăn vật vụn là 93%. Thực hành vệ sinh răng miệng kém này đồng đều ở cả hai lứa tuổi 6 và 7, cũng như không phân biệt giới tính.

Kết luận: Tỷ lệ sâu răng ở học sinh lớp 1 và 2 tại Trường Tiểu học Võ Thị Sáu là 78,6%, trong đó sâu răng sữa chiếm 99,2%. Thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh chưa đạt yêu cầu tốt, với tỷ lệ ăn vật vụn cao. Để giảm tỷ lệ sâu răng, cần tăng cường tuyên truyền và giáo dục về tầm quan trọng của việc chăm sóc răng miệng, đặc biệt là việc đánh răng đúng cách và thường xuyên.

Từ khoá: Vệ sinh răng miệng, học sinh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sâu răng (SR) là một bệnh nhiễm khuẩn tổ chức canxi hóa, đặc trưng bởi sự hủy khoáng của thành phần vô cơ và sự phá hủy thành phần hữu cơ của mô cứng [1]. Đây là một bệnh phổ biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe răng miệng và chất lượng cuộc sống ở trẻ em. Trên thế giới, tỷ lệ trẻ em mắc sâu răng dao động từ 59% đến 90% [2]. Tại Việt Nam, theo kết quả điều tra răng miệng toàn quốc, tỷ lệ sâu răng sữa ở trẻ em là 81,6% [3].

Trong những năm qua, với sự phát triển của ngành nha khoa và các chương trình nha học đường, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng tỷ lệ sâu răng ở trẻ 6-7 tuổi tại các tỉnh thành như Hà Nội là 97,4%; Lào Cai là 91,9%; Quảng Bình là 93,76% [3],[4]. Sâu răng, đặc biệt ở trẻ em, là một bệnh dễ mắc, phổ biến, liên quan đến nhiều yếu tố. Tại Việt Nam, đã có các nghiên cứu về sâu răng ở trẻ em; tuy nhiên, vấn đề này cần được cập nhật thường xuyên để đưa ra

những bằng chứng mới, tin cậy. Điều này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách có giải pháp kịp thời cho công tác điều trị, dự phòng và giáo dục nha khoa với mục đích giảm tỷ lệ sâu răng ở trẻ em. Chính vì vậy nhóm nghiên cứu của chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu Thực trạng sâu răng ở trẻ 6-7 tuổi Trường tiểu học Võ Thị Sáu - Thành Phố Hải Dương với mục tiêu “Đánh giá tình trạng sâu răng và thực hành vệ sinh răng miệng ở học sinh lớp 1-2 tại Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Thành phố Hải Dương năm 2021”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

*Tác giả liên hệ

Email: vutuyen@hmtu.edu.vn Điện thoại: (+84) 904978766 DOI: 10.52163/yhc.v66i6.4013

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Điều tra cắt ngang tháng 4 năm 2021.

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Phường Trần Phú, Thành Phố Hải Dương.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn

+ Là những học sinh lớp 1, 2 (6-7 tuổi) tại Trường Tiểu học Võ Thị Sáu tại Thành Phố Hải Dương năm học 2020- 2021

+ Đang cư trú tại địa bàn nghiên cứu, ít nhất là 12 tháng trong thời gian nghiên cứu.

+ Có sự đồng ý và tự nguyện tham gia nghiên cứu của cả học sinh, thầy cô giáo và phụ huynh học sinh.

- Tiêu chuẩn loại trừ

+ Vắng mặt trong khi nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu

- Cỡ mẫu được tính theo công thức sau [3]

$$n = Z^2 \frac{pq}{d^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu. $Z_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy ở mức xác suất 95%. p: tỷ lệ ước lượng sâu răng sữa của trẻ (p = 81,6%) theo nghiên cứu của tác giả Trương Mạnh Dũng [3]; q: tỷ lệ ước lượng không sâu răng sữa của trẻ (q = 1-p = 18,4%); d: sai số tuyệt đối là 5% (d = 0,05).

Thay số vào công thức tính cỡ mẫu trên số học sinh cần tham gia nghiên cứu là 231 học sinh.

- Chọn mẫu: Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có 215 em học sinh lớp 1 và 191 học sinh lớp 2 tổng là 406 học sinh, đây là lứa tuổi chưa có ý thức trong vệ sinh răng miệng và cần các phương pháp điều trị đơn giản mà hiệu quả. Nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu toàn bộ số học sinh lớp 1-2 theo các bước sau:

Bước 1: Chọn tất cả học sinh lớp 1-2 Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

Bước 2: Lựa chọn tất cả các học sinh đồng ý tham gia nghiên cứu

Bước 3: Phỏng vấn và đánh giá tình trạng vệ sinh răng miệng

Bước 4: Phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn được 313 học sinh lớp 1-2 Trường Tiểu học Võ Thị Sáu tham gia nghiên cứu.

2.5. Công cụ thu thập số liệu

- Bộ câu hỏi được xây dựng dựa theo công cụ được thiết kế sẵn.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

- Phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp học sinh lớp 1-2 trước khi được khám phát hiện sâu răng bằng bộ câu hỏi có sẵn, gồm các thông tin cơ bản và các yếu tố liên quan đến sâu răng.

- Khám: phát hiện sâu răng theo ICDAS, là một hệ thống mới đã được WHO đưa ra năm 2005, có ưu điểm giúp phát hiện, đánh giá và chẩn đoán được SR ngay từ các giai đoạn sớm qua khám và quan sát bằng mắt thường. Đây là một quy trình đánh giá sâu răng được thực hiện trên bề mặt răng khô, sạch, dưới ánh sáng, chỉ sử dụng que thăm để khám, không cạy. Các mã ICDAS từ 0-6 mô tả mức độ sâu răng. Cụ thể là:

+ ICDAS 0: Không có tổn thương bề mặt hoặc có tổn thương men nhưng không có thay đổi trên bề mặt răng (ví dụ: men răng bị đục nhưng vẫn giữ nguyên hình dạng).

+ ICDAS 1: Tổn thương men ban đầu có thể nhìn thấy rõ khi khô (vàng/nâu) nhưng không nhìn thấy rõ khi ướt.

+ ICDAS 2: Tổn thương men có thể nhìn thấy rõ khi ướt, có màu vàng hoặc nâu, hoặc có biểu hiện rõ ràng trên bề mặt men răng (ví dụ: lỗ sâu nhỏ).

+ ICDAS 3: Tổn thương men có thể nhìn thấy khi ướt và có mảng trắng đục, kèm theo mất lớp men răng không nhìn thấy được khi ướt.

+ ICDAS 4: Tổn thương men có thể nhìn thấy khi ướt và có biểu hiện đen mờ (ngà răng bị mất một phần).

+ ICDAS 5: Tổn thương men có thể nhìn thấy khi ướt và mất một phần mô răng, lộ ngà răng rõ rệt ở một diện tích nhỏ.

+ ICDAS 6: Tổn thương men có thể nhìn thấy khi ướt và có mất một phần mô răng lan rộng, lộ ngà răng rõ rệt, có thể chạm tới tủy răng.

- Bảng quy đổi sang "có/không sâu" dựa trên mã ICDAS

+ Không sâu: ICDAS 0.

+ Có sâu: ICDAS 1, 2, 3, 4, 5, 6.

2.7. Phương pháp xử lý số liệu

Nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1 và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 16.0.

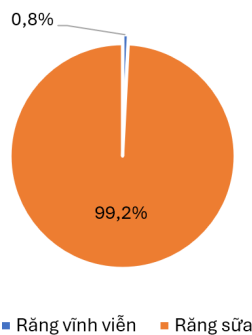
2.8. Đạo đức nghiên cứu: Thông qua hội đồng đạo đức của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương cấp giấy chứng nhận chấp thuận số NIHE IRB- 19/2020 ngày 25 tháng 9 năm 2020.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Tỷ lệ sâu răng ở học sinh 6-7 tuổi tại Trường tiểu học Võ Thị Sáu (n = 313)

Đặc điểm	Tình trạng răng				
	Sâu răng		Không sâu răng		p
	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	
Tổng số	246	78,6	67	21,4	
Tuổi					
6 tuổi	96	39,0	37	55,2	0,017
7 tuổi	150	61,0	30	44,8	
Giới					
Nam	127	51,6	26	38,8	0,063
Nữ	119	48,4	41	61,2	

Tỷ lệ sâu răng ở học sinh là 78,6%. Theo độ tuổi, nhóm học sinh 7 tuổi có tỷ lệ sâu răng đặc biệt cao hơn nhóm học sinh 6 tuổi, và khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,017$) còn tỷ lệ sâu răng ở học sinh nam và nữ có tỷ lệ sâu răng khá tương đồng ($p = 0,063 > 0,05$) không có ý nghĩa thống kê.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ sâu răng phân loại theo răng sữa và răng vĩnh viễn

Nhận xét: Trong tổng số 246 (78,6%) học sinh mắc sâu răng: tỷ lệ sâu răng sữa có 244 học sinh chiếm khoảng 99,2% và sâu răng vĩnh viễn chỉ có 2 học sinh chiếm khoảng 0,8%.

Bảng 2. Tỷ lệ học sinh sâu răng phân bố theo số lượng răng bị sâu

Sâu răng theo số lượng răng		Số lượng	%
Không sâu		67	21,4
Sâu răng	1 răng	18	5,8
	2 răng trở lên	228	72,8
Tổng		313	100%

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh bị sâu răng từ hai răng trở lên chiếm tỷ lệ rất cao là 72,8%

Bảng 3. Bảng kết quả thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh 6-7 tuổi tại trường tiểu học Võ Thị Sáu năm 2021

Thực hành VSRM						p
Tổng		6 tuổi		7 tuổi		
SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	
Số lần chải răng trong ngày						0,31
Dưới 3 lần						
268	85,6	117	88,0	151	83,9	
3 lần trở lên						
45	14,4	16	12,0	29	16,1	
Thời gian mỗi lần chải răng						0,19
Dưới 3 phút						
178	56,9	70	52,6	108	60,0	
≥ 3 phút						
135	43,1	63	47,4	72	40,0	
Kỹ thuật chải răng						0,62
Sai (ngang)						
188	60,1	82	61,7	106	58,9	
Đúng						
125	39,9	51	38,3	74	41,1	
Số lần thay bàn chải trong năm						0,82
Không thay						
193	61,7	83	62,4	110	61,1	
1 lần trở lên						
120	38,3	50	37,6	70	38,9	
Thói quen ăn vặt						0,46
Ăn vặt						
291	93,0	122	91,7	169	93,9	
Không ăn vặt						
22	7,0	11	8,3	11	6,1	

Nhận xét: Học sinh 6 tuổi và 7 tuổi đều thực hành vệ sinh răng miệng chưa tốt, không có sự khác biệt giữa 2 nhóm tuổi cụ thể:

- Ở học sinh 6 tuổi: Chải răng dưới 3 lần/ ngày là 88%; Thời gian chải dưới 3 phút là 52,6%; Chải ngang là 61,7%; Không thay bàn chải định kỳ là 62,4%; Ăn vặt là 91,7%

- Ở học sinh 7 tuổi: Chải răng dưới 3 lần/ ngày 83,9%; Thời gian chải dưới 3 phút: 60%; Chải sai kỹ thuật: 58,9%; Không thay bàn chải định kỳ: 61,1%; Ăn vặt: 93,9%

Bảng 4. Kết quả mối liên quan giữa thực hành vệ sinh răng miệng với bệnh sâu răng ở học sinh trường tiểu học Võ Thị Sáu

Thực hành VSRM						
Tổng		Không sâu răng		Sâu răng		OR (95% CI)
SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	
Số lần chải răng trong ngày:						
Dưới 3 lần						
268	85,6	56	83,6	212	86,2	1
3 lần						
45	14,4	11	16,4	34	13,8	0,82 (0,39-1,71)
Thời gian mỗi lần chải răng						
Dưới 3 phút						
178	56,9	36	53,7	142	57,7	1
≥ 3 phút						
135	43,1	31	46,3	104	42,3	0,85 (0,49-1,46)
Kỹ thuật chải răng						
Sai						
188	60,1	46	68,7	142	57,7	1
Đúng						
125	39,9	21	31,3	104	42,3	1,60 (0,90-2,85)
Số lần thay bàn chải trong năm						
Không thay						
193	61,7	44	65,7	149	60,6	1
1 lần trở lên						
120	38,3	23	34,3	97	39,4	1,25 (0,71-2,19)
Thói quen ăn vặt						
Ăn vặt						
291	93,0	63	94,0	228	92,7	1
Không ăn vặt						
22	7,0	4	6,0	18	7,3	1,24 (0,41-3,81)

Nhận xét:

- Ở học sinh sâu răng trong nghiên cứu, tỷ lệ chải răng dưới 3 lần là 86,2%, Chải răng dưới 3 phút chiếm 57,7% chải ngang sai kỹ thuật chiếm 57,7%, và thường là không thay bàn chải chiếm 60,6%. Ăn vặt chiếm 92,7%.

- Ở học sinh không sâu răng các kiến thức, thực hành vệ sinh răng miệng cũng rất cao: chải răng dưới 3 lần chiếm 83,6%; Thời gian chải dưới 3 phút chiếm 53,7%; Chải sai kỹ thuật chiếm 68,7%; Không thay bàn chải chiếm 65,7% và ăn vặt chiếm 94%.

- Trên phương trình hồi quy đơn biến tìm mối liên quan giữa thực hành răng miệng và tình trạng sâu răng, kết quả cho thấy: nhóm chải răng từ 3 lần trở lên có khả năng mắc sâu răng thấp hơn 18% so với nhóm chải răng dưới 3 lần; những học sinh chải răng từ 3 phút trở lên có khả năng mắc sâu răng thấp hơn 15% so với nhóm chải răng dưới 3 phút. Tuy vậy, những kết quả trong bảng đều không có ý nghĩa thống kê.

4. BÀN LUẬN

Tỷ lệ sâu răng của học sinh tiểu học trường Tiểu học Võ Thị Sáu Thành Phố Hải Dương là 78,6% trong đó tỷ lệ mắc sâu răng ở học sinh nam và nữ là ngang nhau. Tỷ lệ mắc sâu răng ở trẻ là khá cao, tương đồng với các nghiên cứu về sâu răng của các điều tra toàn quốc và các nghiên cứu tại các tỉnh của các tác giả Trương Mạnh Dũng, Vũ Mạnh Tuấn và Trịnh Đình Hải [3]. Vai trò của công tác nha học đường điều trị dự phòng sâu răng như: Giáo dục nha khoa, súc miệng bằng dung dịch Fluor... là rất quan trọng, cần tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh nhằm giảm tỷ lệ sâu răng, đảm bảo sức khỏe và tâm lý của trẻ.

Theo kết quả biểu đồ 1 trong 246 (78,6%) học sinh mắc sâu răng thì tỷ lệ sâu răng sữa chiếm 99,2% trong đó tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn chiếm 0,8%. Điều này có thể giải thích đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là lứa tuổi 6-7 tuổi đây là lứa tuổi đã mọc toàn bộ răng sữa và mới bắt đầu mọc những chiếc răng vĩnh viễn đầu tiên.

Kết quả nghiên cứu về tỷ lệ sâu răng trong nghiên cứu của chúng tôi khá cao và tuy nhiên tỷ lệ sâu răng này thấp hơn so với kết quả điều tra năm 2010 Viện đào tạo Răng Hàm Mặt trường Đại Học Y Hà Nội tại 5 tỉnh thành trong cả nước thấy: tỷ lệ sâu răng sữa của trẻ 4-8 tuổi là 81,6% [3] hay trong nghiên cứu năm 2011, Vũ Mạnh Tuấn và cộng sự khảo sát thực trạng bệnh sâu răng của trẻ 7-8 tuổi tại Quảng Bình thấy: tỷ lệ sâu răng sữa của trẻ 7-8 tuổi là 93,76%[4].

Nghiên cứu của Hồng Chuyên ở 300 học sinh tiểu học huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ năm 2021 cho thấy tỷ lệ sâu răng là 91,0% [5]. Hay theo nghiên cứu của Nguyễn Hồng Minh năm 2021 chỉ ra tỷ lệ sâu răng ở trẻ lứa tuổi này khá cao, chiếm 86,4% [6].

Nghiên cứu của chúng tôi cũng có kết quả tương đương với nhiều các nghiên cứu khác về sâu răng ở trong nước như: Nghiên cứu của Võ Văn Thanh (2013) ở 12 trường tiểu học của huyện Tây Sơn, Bình Định, cho thấy tỷ lệ mắc bệnh sâu răng chung là 78,8% [7].

Theo kết quả bảng 3 học sinh lớp 1 và 2 trường tiểu học Võ Thị Sáu không chải răng được sau mỗi bữa ăn, đa phần chỉ chải được 1 lần trong ngày. Chải răng thì nhanh không đạt đúng thời gian quy định và đặc biệt hầu hết các em đều chải ngang sai kỹ thuật, bàn chải không được thay định kỳ mà chỉ thay khi hỏng. Đa phần là ăn vặt, chỉ có 7% học sinh không ăn vặt. Tỷ lệ này khá cân bằng và không có khác biệt ở khối học sinh lớp 1 và lớp 2. Cụ thể: Số lần chải dưới 3 lần : 85,6%; Thời gian chải dưới 3 phút: 56,9%; Chải răng sai cách: 60,1%; Chỉ thay bàn chải khi hỏng; 61,7%; Ăn vặt 93%. Cũng theo bảng 3 và 4 còn chỉ ra việc thực hành vệ sinh răng miệng như: số lần chải răng không đúng quy định, đánh răng sai kỹ thuật, thời gian thay bàn chải và thói quen ăn vặt ở học sinh đều chưa tốt và không có sự khác biệt ở cả độ tuổi 6-7 lần giới tính.

Về số lần chải răng trong ngày nghiên cứu cũng chỉ ra 85.6% trẻ không thể chải răng đúng quy định là sau mỗi bữa ăn, chỉ có 14.4% trẻ khi được phỏng vấn có trả lời là đánh đủ 3 lần/ngày sau mỗi bữa ăn chính. Điều này có thể giải thích do trẻ chưa hiểu hết được tầm quan trọng của việc phải chải răng sau mỗi bữa ăn và học sinh lớp 1 và 2 lại học bán trú tại trường, nếu như không có được sự nhắc nhở của phụ huynh hoặc giáo viên thì thường sẽ không thực hiện được chải răng sau mỗi bữa ăn. Kết quả cũng tương tự một số nghiên cứu đã chỉ ra như: Trương Mạnh Dũng (2011) và Vũ Mạnh Tuấn (2011) cũng cho thấy chỉ 8,8% trẻ chải răng được 3 lần sau mỗi bữa ăn [3]. Như vậy, hầu hết các nghiên cứu cũng đã chỉ ra trẻ thường không chải răng đúng quy định, từ đó các nhà chuyên môn, hay quá lý giáo dục có thể đưa các khuyến cáo cho các cơ sở giáo dục quy định cụ thể về nề nếp sinh hoạt khi các cháu học bán trú để tỷ lệ vệ sinh răng miệng đúng quy định tăng lên, giảm tình trạng sâu răng, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em.

Về cách chải răng trên 60% học sinh chải răng sai cách, thời gian chải nhanh. Điều này có thể thấy được các em thiếu kiến thức như nhận thức được vai trò của việc vệ sinh răng miệng, vẫn chải răng theo thói quen, hoặc cũng có thể do cha mẹ hoặc người lớn hướng dẫn con chưa đúng cách. Thời gian chải nhanh cũng 1 phần là do các em còn nhỏ, mãi chơi, hay 1 số kem đánh răng bố mẹ mua chưa đúng loại có thể gây cay làm các con không thể chải răng được lâu. Nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự nghiên cứu của Trần Tấn Tài trên 1406 học sinh tiểu học tại Thừa Thiên Huế cũng chỉ ra có 67,6% các em thực hành vệ sinh chưa tốt, vẫn chải răng ngang sai kỹ thuật và chải rất nhanh dưới 3 phút [8].

Hay theo Dương Thùy Linh nghiên cứu trên 200 học sinh tiểu học tại Hà Nội năm 2019 đã chỉ ra 59% các em chải răng sai cách, và các em thiếu nhiều kiến thức về vệ sinh và chăm sóc răng miệng [9]. Tương tự, Trần Thị Mỹ Hạnh khi nghiên cứu tại học sinh tiểu học ở Gia Lâm, Hà Nội năm 2020 cũng chỉ ra có 59,6% học sinh thực hành vệ sinh răng miệng sai cách như chải răng ngang, chải nhanh và không thay bàn chải định kỳ [10]. Nghiên cứu của chúng tôi mới đưa ra được về tình trạng chải răng sai cách, chưa tìm hiểu được sâu được nguyên nhân tại sao các em lại chải răng sai cách có phải do các em không hay do chưa được hướng dẫn, giáo dục nha khoa từ bố mẹ và nhà trường?

Theo bảng 4 cho thấy: Nhóm chải răng từ 3 lần trở lên có khả năng mắc sâu răng thấp hơn 18% so với nhóm chải răng dưới 3 lần; những học sinh chải răng từ 3 phút trở lên có khả năng mắc sâu răng thấp hơn 15% so với nhóm chải răng dưới 3 phút. tuy nhiên kết quả này chưa có ý nghĩa thống kê, có thể có yếu tố nhiễu vì sâu răng là bệnh do nhiều yếu tố gây lên hoặc nghiên cứu của chúng tôi cỡ mẫu vừa phải đặc biệt là nhóm tỷ lệ không sâu răng ít. Chính vì vậy nghiên cứu chưa khẳng định các yếu tố thực hành vệ sinh răng miệng không tốt ảnh hưởng đến bệnh sâu răng như một số nghiên cứu khi đánh giá về thực hành vệ sinh răng miệng so với bệnh sâu răng của Nguyễn Tấn Tài ở Thừa Thiên Huế, Trần Thị Mỹ Hạnh ở Hà Nội, hay Dương Thùy Linh ở Hà Nội, Vũ Sao Chi ở Hải Dương [8], [9],[10].

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sâu răng ở học sinh 6-7 tuổi là cao chiếm 78,6% chủ yếu là sâu răng sữa chiếm 99,2%.

Học sinh thực hành vệ sinh răng miệng còn chưa tốt, tỷ lệ ăn vặt còn nhiều. Số lần chải răng dưới 3 lần : 85,6%; Thời gian chải răng dưới 3 phút: 56,9%; Chải răng sai cách: 60,1%; Chỉ thay bàn chải khi hỏng; 61,7%; Ăn vặt 93%. Thực hành vệ sinh răng miệng chưa tốt này cân bằng ở cả 2 lứa tuổi 6-7 tuổi và giới tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Mạnh Hà (2010), Sâu răng và các biến chứng, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, tr. 5-18.
- [2] Kazeminia M, Abdi A, Shohaimi S, Jalali R, Vaisi-Raygani A, Salari N, Mohammadi M (2020), "Dental caries in primary and permanent teeth in children's worldwide, 1995 to 2019: a systematic review and meta-analysis". Head Face Med. 2020 Oct 6;16(1):22.
- [3] Trương Mạnh Dũng, Vũ Mạnh Tuấn (2011), "Thực trạng bệnh răng miệng và một số yếu tố liên quan ở trẻ 4-8 tuổi tại 5 tỉnh thành của

- Việt Nam năm 2010”, Tạp chí Y học thực hành, số (793), tr.91-96.
- [4] Vũ Mạnh Tuấn, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Kỳ Nhân, và cs (2011), “Khảo sát thực trạng bệnh sâu răng và các yếu tố ảnh hưởng tới sự cân bằng sâu răng trên trẻ 7-8 tuổi tại Quảng Bình năm 2011”, Tạp chí Y học thực hành, Số (793), tr. 81-85.
- [5] Nguyễn Minh Hồng (2022), “Thực trạng bệnh sâu răng viêm lợi ở học sinh tiểu học tỉnh Nam Định năm 2020”. Tạp chí Y học Việt Nam, 513(2)
- [6] Nguyễn Thị Hồng Minh & Hải, T. Đình (2021), “Tình trạng sâu răng sữa ở trẻ em Việt Nam năm 2019”, Tạp Chí Y học Dự phòng, 30(1), 123-129
- [7] Võ Văn Thanh (2013), “ Nghiên cứu tình hình bệnh sâu răng, viêm lợi và các yếu tố liên quan của học sinh tiểu học tại huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định năm 2011”, Luận Án Chuyên khoa cấp II, Đại học Y Dược Huế, tr.91-92.
- [8] Trần Tấn Tài (2014), “Thực trạng bệnh răng miệng và kiến thức thực hành về chăm sóc răng miệng của học sinh tiểu học ở thành phố và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế”, Tạp chí Y -Dược học -Trường Đại học Y Dược Huế- Số 22+23 tr.177-184
- [9] Dương Thùy Linh (2019), “Kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc răng miệng của học sinh các trường tiểu học tại Thị Trấn Quốc Oai”, Tạp Chí Điều Dưỡng, tr. (11-16).
- [10] Trần Mỹ Hạnh (2021), “Kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh lớp 6 Trường THCS Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội năm 2020”, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 505 số 2.

